

Số: 534 /GDĐT

Bình Chánh, ngày 14 tháng 5 năm 2020

Về báo cáo thực trạng về nhà vệ sinh trong
các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông.

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở (công lập).

Căn cứ công văn số 1313/GDĐT-KHTC ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về báo cáo thực trạng về nhà vệ sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông.

Để có cơ sở tổng hợp báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo đúng nội dung và thời gian quy theo quy định, Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai đến Hiệu trưởng các trường Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở (công lập) thực hiện báo cáo thực trạng về nhà vệ sinh tại đơn vị với những nội dung sau:

1. Cách thức thực hiện báo cáo:

- Các trường Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở (công lập) thực hiện báo cáo theo mẫu đính kèm
- Trong quá trình rà soát các đơn vị cần đối chiếu với các quy định đính kèm trong biểu mẫu để nội dung báo cáo đảm bảo chính xác.

2. Thời hạn thực hiện báo cáo:

Báo cáo các đơn vị gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo trước ngày **18** tháng **5** năm **2020** bằng văn bản và file mềm theo địa chỉ congbang.binhchanh.tphcm@moet.edu.vn với cú pháp: "Tên đơn vị_Báo cáo nhà vệ sinh". Ví dụ: TH Bình Hưng_Báo cáo nhà vệ sinh

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc xin liên hệ trực tiếp với Ông Phạm Công Bằng- ĐT: 0908144175.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các trường Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở (công lập) thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Công văn này. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- 03 Đ/c PTP; (Để theo dõi)
- Các tổ CM; (Để phối hợp)
- Lưu: VP, (B)



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Trí Dũng



TỔNG HỢP SỐ LIỆU NHÀ VỆ SINH

TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG

(Kèm theo văn số: /GDDT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung	Mầm non	Tiểu học	THCS
1	Thông tin chung	Số trường		
		Số điểm trường		
		Số học sinh tại trường chính		
		Nam		
		Nữ		
	Số học sinh tại các điểm trường	Nam		
		Nữ		
2	Tổng số nhà vệ sinh	Số trường, điểm trường có nhà vệ sinh		
		Số trường, điểm trường không có cơ NVS		
3	Tổng số NVS đáp ứng điều kiện đảm bảo vệ sinh theo các TCVN, QCVN 01:2011/BYT, TT 13/2016/TTLT-BYT-BGDDĐT (*)	Số NVS khô (không có bể tự hoại)		
		Số NVS dội nước (có bể tự hoại)		
4	Tổng số nhà vệ sinh thực hiện theo QĐ số 1486/QĐ-BGDDĐT, QĐ số 4792/QĐ-BGDDĐT (**)	Số trường		
		Số điểm trường		
5	Nhà vệ sinh trẻ em/học sinh nam	Nhà vệ sinh liền kề lớp học	Số lượng	
		Diện tích (m2)		
		Nhà vệ sinh tách rời lớp học	Số lượng	
		Diện tích (m2)		
		Số lượng chậu xí		
		Số lượng chậu tiểu		
		Diện tích chỗ đi tiểu (m2)		
		Số lượng chậu rửa tay		
6	Nhà vệ sinh trẻ em/học sinh nữ	Nhà vệ sinh liền kề lớp học	Số lượng	
		Diện tích (m2)		
		Nhà vệ sinh tách rời lớp học	Số lượng	
		Diện tích (m2)		
		Số lượng chậu xí		
		Diện tích chỗ đi tiểu (m2)		
		Số lượng chậu rửa tay		
7	Tổng số nhà vệ sinh có vật liệu sử dụng phù hợp với từng khu vực (ví dụ khu vực miền biển thì sử dụng các loại vật liệu chống ăn mòn, gió, bão. Khu vực miền núi thì bố trí các vật liệu chống mối, mọt, côn trùng, lá cây...).			
8	Tổng số nhà vệ sinh có thiết kế đảm bảo số lượng phòng vệ sinh, quy mô sử dụng theo quy định			
9	Tổng số nhà vệ sinh đảm bảo cung cấp nước			
10	Tổng số nhà vệ sinh có thu gom và xử lý chất thải			

HIỆU TRƯỞNG

Ghi chú: (*), ()**

- Thông tư liên tịch 13/2016/TTLT-BYT-BGDDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học.
- Tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 3907:2011: Trường Mầm non - Yêu cầu thiết kế; TCVN 8793:2011: Trường Tiểu học - Yêu cầu thiết kế; TCVN 8794:2011: Trường Trung học - Yêu cầu thiết kế.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: QCVN 01:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh.
- Quyết định số 1486/QĐ-BGDDĐT ngày 31/3/2008 về việc ban hành thiết kế mẫu nhà vệ sinh cho các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở áp dụng rộng rãi trong phạm vi cả nước.
- Quyết định số 4792/QĐ-BGDDĐT ngày 28/9/2011 về việc ban hành thiết kế mẫu nhà vệ sinh đảm bảo nhu cầu tiếp cận và sử dụng của học sinh khuyết tật cho các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.